TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-9-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Kim Tuyền.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phan Văn Ph, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1963; Nơi cư trú: Ấp LP, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp LP, xã LK, tỉnh Đồng Tháp).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Ấp LP, xã LKA, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ấp LP, xã LK, tỉnh Đồng Tháp).

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 7 năm 2025 của nguyên đơn ông Phan Văn Ph, trình bày: Ông và bà B cưới nhau năm 2015, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã LK, tỉnh Đồng Tháp). Hôn nhân do mai mối, nhưng hai bên cũng tự nguyện kết hôn với nhau. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình ông, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân từ năm 2023 thì bà B theo đạo PGHH,

thường xuyên đi chùa, mỗi lần đi khoảng 7-10 ngày mới về nhà, nhưng khi về nhà thì bà B không quan tâm, chăm sóc gia đình. Khi ông khuyên nhủ bà B là đi chùa ít lại, ở nhà thường xuyên hơn nhưng bà B trả lời là bà B đi tu rồi. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Ông và bà B không sống chung từ năm 2023 cho đến nay. Từ lúc vợ chồng không sống chung thì vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị B. Về nuôi con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Vợ chồng chung sống có tài sản chung là 15 chỉ vàng 24kra nhưng ông thống nhất cho bà B được sở hữu, ông không yêu cầu bà B chia lại cho ông. Như vậy tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà B vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ph.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 9, 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của ông Phan Văn Ph với bà Nguyễn Thị B; Về con chung: Không có, nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cấp giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cấp giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Văn Ph có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp) yêu cầu giải quyết ly hôn giữa ông với bà Nguyễn Thị B. Hiện bà B đang cư trú tại xã Long Khánh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng bà B vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc

trở ngại khách quan. Nguyên đơn ông Phan Văn Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà B, ông Ph theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn Ph và bà Nguyễn Thị B được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 66/2015, ngày 25 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Long Khánh A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Long Khánh, tỉnh Đồng Tháp) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Phan Văn Ph cho rằng ông và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau có mâu thuẫn, vì bà B không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng không còn sống chung từ giữa năm 2023 cho đến nay và không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán đã động viên, hòa giải cho ông Ph, bà B được đoàn tụ nhưng ông Ph vẫn cương quyết ly hôn với bà B. Bà B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà B cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với ông Ph, điều này cho thấy bà B không có thiện chí để đoàn tụ với ông Ph. Nhận thấy hôn nhân giữa ông Ph, bà B không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phan Văn Ph được ly hôn với bà Nguyễn Thị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Ông Phan Văn Ph trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về chia tài sản chung: Ông Phan Văn Ph cho rằng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết, còn bà Nguyễn Thị B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về nợ chung: Ông Phan Văn Ph cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn bà Nguyễn Thị B không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn ông Phan Văn Ph chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng do ông Ph là người cao tuổi và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Ph. Cho ông Phan Văn Ph được ly hôn với bà Nguyễn Thị B.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Văn Ph được miễn án phí ly hôn theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Đồng Tháp;
- UBND xã LK, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng